

BÀI 18. VÙNG ĐÔNG NAM BỘ

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ 9

Thời gian thực hiện: (Tuần 19,20,21, 22,23 - Tiết 37,38,41,42, 43.

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức.

- Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng.
- **Trình bày được các thế mạnh và hạn chế về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng**
- Trình bày được đặc điểm về dân cư, đô thị hoá ở vùng Đông Nam Bộ.
- Trình bày được sự phát triển và phân bố một trong các ngành kinh tế thế mạnh của vùng.
- Phân tích được ý nghĩa của việc tăng cường kết nối liên vùng đối với sự phát triển của vùng.
- Phân tích được vị thế của Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Năng lực.

- Năng lực chung:
 - + Tự chủ và tự học: thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập; tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.
 - + Giải quyết vấn đề và sáng tạo: xác định được các vấn đề đặt ra trong việc phát triển kinh tế của vùng Đông Nam Bộ, có thể giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình học tập.
- Năng lực đặc thù:
 - + Phát triển năng lực tìm hiểu địa lí theo quan điểm không gian; giải thích các quá trình và hiện tượng địa lí tự nhiên, kinh tế - xã hội vùng Đông Nam Bộ.
 - + Phát triển năng lực tìm hiểu địa lí thông qua tranh ảnh, bản đồ, bảng số liệu,... liên quan đến vùng Đông Nam Bộ.
 - + Phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề và sáng tạo; tự chủ, tự học để tìm hiểu các vấn đề về điều kiện tự nhiên, dân cư, kinh tế - xã hội vùng Đông Nam Bộ.

*** Tích hợp khung năng lực số:**

1. Khai thác dữ liệu và thông tin

1.2. Đánh giá dữ liệu, thông tin và nội dung số

- **Thực hiện phân tích, so sánh và đánh giá được các nguồn dữ liệu, thông tin và nội dung số.**
- **Học sinh sử dụng các công nghệ số (ai. để tìm kiếm thông tin về các ngành kinh tế thế mạnh.**

3. Phẩm chất.

- Chăm chỉ, chịu khó học tập.
- Có trách nhiệm bảo vệ tài nguyên, môi trường vùng Đông Nam Bộ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

1. Giáo viên.

- Máy vi tính, máy chiếu hoặc smart tivi, thiết bị điện tử kết nối internet (nếu có.
- Bản đồ tự nhiên, bản đồ kinh tế vùng Đông Nam Bộ.

- Học liệu số được xây dựng bằng công cụ NotebookLM

- Các thiết bị và học liệu khác có liên quan đến nội dung bài học (tranh ảnh, video, bảng số liệu,....)

- Phiếu học tập.

- SGK Lịch sử và Địa lí 9 (KNTT với CS. .

2. Học sinh.

SGK Lịch sử và Địa lí 9 (KNTT với CS. .

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

1. Hoạt động 1: Hoạt động mở đầu.

a. Mục tiêu

Tạo hứng thú, kích thích trí tò mò, muốn tìm hiểu về vùng Đông Nam Bộ.

b. Tổ chức thực hiện

- Bước 1: GV yêu cầu HS đọc và suy nghĩ trả lời tình huống mở đầu như gợi ý trong SGK.

- Bước 2: GV dành một thời gian thích hợp để HS suy nghĩ.

- Bước 3: GV gọi vài HS trả lời.

- Bước 4: HS trả lời xong, GV tóm lược và dẫn dắt vào bài.

2. Hoạt động 2: Hoạt động hình thành kiến thức mới.

2.1. Nội dung 1: Tìm hiểu vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ

a. Mục tiêu

Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng.

b. Tổ chức thực hiện

- Bước 1: GV cho HS quan sát bản đồ tự nhiên Đông Nam Bộ dựa vào thông tin số và thông tin mục 1 và thông tin đã tìm hiểu trên google, trình bày đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng Đông Nam Bộ.



GV gợi ý những vùng, quốc gia tiếp giáp; lưu ý Đông Nam Bộ còn có cả một vùng biển rộng với nhiều tiềm năng. Đây là điều kiện để Đông Nam Bộ phát triển kinh tế biển. Ngoài việc nêu được những vùng lãnh thổ tiếp giáp, HS cần nêu được ý nghĩa của vị trí địa lí vùng Đông

Nam Bộ đối với phát triển kinh tế - xã hội.

- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.
- Bước 3: HS trả lời, nhận xét, bổ sung.
- Bước 4: GV chuẩn hoá kiến thức.

- **Vùng Đông Nam Bộ** sau sắp xếp có diện tích là 28 nghìn km², gồm 3 đơn vị hành chính cấp tỉnh: **Thành phố Hồ Chí Minh (mới)**, tỉnh **Đồng Nai (mới)** và tỉnh **Tây Ninh (mới)**.
 - Vùng **giáp Cam-pu-chia, Nam Trung Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long và Biển Đông**.
 - Đông Nam Bộ thuộc **Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam**, là **đầu tàu kinh tế của cả nước**, có **hệ thống giao thông phát triển**, giữ vai trò quan trọng trong **liên kết vùng và hội nhập quốc tế**.

2.2. Nội dung 2: Tìm hiểu điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên.

a. Mục tiêu

Trình bày được các thế mạnh, hạn chế về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng.

b. Tổ chức thực hiện

- Bước 1: GV yêu cầu HS hoặc nhóm dựa vào SGK, phân tích các thế mạnh, hạn chế về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng Đông Nam Bộ bằng cách điền vào phiếu học tập sau:



Yếu tố tự nhiên	Đặc điểm	Thế mạnh đối với phát triển kinh tế	Hạn chế
Địa hình và đất			
Khí hậu			
Nguồn nước			

Sinh vật		
Khoáng sản		
Biển, đảo		

- Bước 2: Các nhóm thực hiện nhiệm vụ.
- Bước 3: Các nhóm báo cáo, nhận xét, đánh giá chéo lẫn nhau.
- Bước 4: GV chuẩn hoá kiến thức.

Yếu tố tự nhiên	Đặc điểm	Thế mạnh đối với phát triển kinh tế	Hạn chế
Địa hình và đất	Địa hình tương đối bằng phẳng; đất chủ yếu là đất badan và đất xám phù sa cổ.	Thuận lợi xây dựng cơ sở công nghiệp, giao thông, đô thị,...; phát triển cây công nghiệp lâu năm quy mô lớn.	Mùa khô kéo dài dẫn đến thiếu nước; triều cường, xâm nhập mặn; trên đất liền ít khoáng sản,...
Khí hậu	Mang tính cận xích đạo	Hoạt động kinh tế diễn ra quanh năm.	
Nguồn nước	Dồi dào, có một số sông và hồ lớn.	Cung cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt.	
Sinh vật	Tương đối đa dạng, có một số vườn quốc gia và khu dự trữ sinh quyển.	Phát triển du lịch.	
Khoáng sản	Nhiều dầu khí, ngoài ra còn có cao lanh,...	Thuận lợi cho phát triển ngành khai thác, chế biến khoáng sản,...	
Biển, đảo	Biển có nhiều tài nguyên thiên nhiên: sinh vật biển, khoáng sản biển, cảnh đẹp; nhiều nơi xây dựng cảng biển.	Phát triển tổng hợp kinh tế biển: khai thác và chế biến khoáng sản, du lịch biển, giao thông vận tải biển, khai thác và nuôi trồng hải sản.	

2.3. Nội dung 3: Tìm hiểu dân cư và đô thị hoá

2.3.1. Dân cư

a) Mục tiêu

Trình bày được đặc điểm về dân cư ở vùng Đông Nam Bộ.

b) Tổ chức thực hiện

- Bước 1: GV yêu cầu HS dựa vào thông tin mục a và dựa vào thông tin đã tìm hiểu từ chatgpt ở nhà, hãy trình bày đặc điểm dân cư ở vùng Đông Nam Bộ. Gợi ý tập trung vào 4 vấn đề cơ bản, đó là:



- + Quy mô và gia tăng dân số.
- + Cơ cấu dân số
- + Thành phần dân tộc
- + Phân bố dân cư
- Bước 2: HS làm việc cá nhân, tự tìm hiểu trong SGK và chatgpt.
- Bước 3: GV gọi một số HS báo cáo kết quả.
- Bước 4: GV chuẩn hoá kiến thức

Vùng Đông Nam Bộ có dân số cao (~21 triệu người- 2024. và tốc độ tăng dân số cao nhất nước (1,46 %/năm, cho thấy sức hút lớn đối với người nhập cư.

Vùng này có cơ cấu dân số trẻ, lực lượng lao động dồi dào, tạo điều kiện phát triển kinh tế.

Đông Nam Bộ là vùng đa dạng dân cư, với nhiều nhóm dân tộc cùng sinh sống, góp phần vào sự phát triển kinh tế – xã hội.

Mật độ dân số cao (~814 người/km². , là mật độ lớn thứ hai của các vùng trong cả nước, cao hơn nhiều so với mức trung bình (~305 người/km². .

Tỷ lệ dân sống ở khu vực thành thị cao hơn nông thôn, phù hợp với xu hướng đô thị hóa mạnh và tập trung dân cư vào các trung tâm kinh tế

2.3.2. Đô thị hoá

a) Mục tiêu

Trình bày được đặc điểm về đô thị hoá ở vùng Đông Nam Bộ.

b) Tổ chức thực hiện

- Bước 1: GV yêu cầu HS dựa vào thông tin mục b, hãy trình bày đặc điểm đô thị hoá ở vùng Đông Nam Bộ.
- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.

- Bước 3: GV gọi vài HS trả lời, nhận xét, bổ sung.
- Bước 4: GV chuẩn hoá lại kiến thức về đặc điểm đô thị hoá ở vùng Đông Nam Bộ.

- Lịch sử hình thành và phát triển từ hơn 300 năm trước; phát triển nhanh khi đất nước thực hiện công cuộc Đổi mới.
- Đô thị hoá Đông Nam Bộ gắn với công nghiệp hoá, hiện đại hoá.
- Số lượng đô thị, tỉ lệ dân thành thị ngày càng tăng.
- Lối sống đô thị lan toả tới các vùng nông thôn của Đông Nam Bộ.
- Xu hướng đô thị hoá: hình thành các đô thị thông minh, hiện đại, đô thị vệ tinh,...

Lưu ý: GV cần nhấn mạnh, Đông Nam Bộ là vùng có số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị cao nhất cả nước hay nói cách khác là trình độ đô thị hoá cao nhất cả nước. Yêu cầu HS đọc mục em có biết để biết thành phố Thủ Đức là mô hình thành phố trực thuộc thành phố đầu tiên ở Việt Nam.

2.4. Nội dung 4: Tìm hiểu sự phát triển và phân bố một số ngành kinh tế.

GV nêu khái quát về vị thế và cơ cấu kinh tế vùng Đông Nam Bộ; một số ngành kinh tế thế mạnh của vùng, sau đó dẫn dắt HS tìm hiểu một số ngành đó.

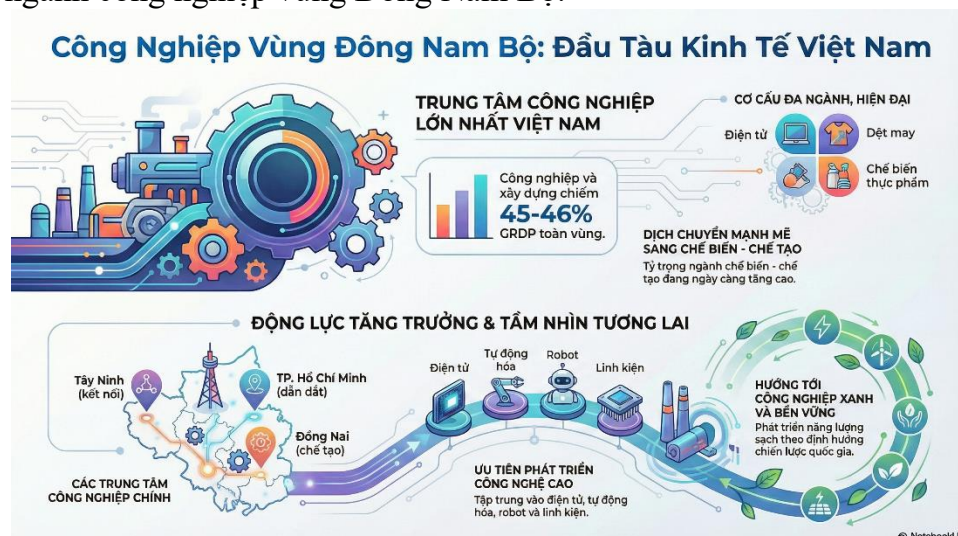
2.4.1. Công nghiệp.

a. Mục tiêu.

Trình bày được sự phát triển và phân bố ngành công nghiệp.

b. Tổ chức thực hiện.

- Bước 1: GV yêu cầu HS dựa vào hình 18.2 và thông tin mục a, hãy trình bày sự phát triển và phân bố ngành công nghiệp vùng Đông Nam Bộ.



- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ theo cặp.
- Bước 3: HS trả lời, nhận xét, bổ sung.
- Bước 4: GV chuẩn hoá kiến thức.

Công nghiệp là ngành kinh tế phát triển mạnh nhất của vùng Đông Nam Bộ. Năm 2024, khu vực công nghiệp – xây dựng chiếm khoảng 45 % GRDP của vùng, giữ vai trò chủ đạo trong cơ cấu kinh tế.

Cơ cấu công nghiệp đa dạng, trong đó các ngành thế mạnh là: điện tử – viễn thông, sản xuất máy tính và linh kiện, chế biến thực phẩm, dệt may – may mặc, khai thác dầu khí.

Sau sắp xếp hành chính, công nghiệp tập trung chủ yếu ở Thành phố Hồ Chí Minh (mới. và tỉnh Đồng Nai (mới. ; tỉnh Tây Ninh (mới. đang phát triển các khu công nghiệp gắn với liên kết vùng.

Xu hướng phát triển: ưu tiên công nghiệp công nghệ cao, tự động hóa, rô-bốt; phát triển công nghiệp xanh, năng lượng sạch, hướng tới phát triển bền vững.

Động Lực Dịch Vụ Hàng Đầu Việt Nam



- Bước 2: Các nhóm trao đổi, thực hiện nhiệm vụ.
- Bước 3: Đại diện nhóm báo cáo, nhận xét, bổ sung.
- Bước 4: GV chuẩn hoá kiến thức:

Thương mại phát triển mạnh nhất cả nước: tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ chiếm khoảng 40 % cả nước; ngoại thương chiếm khoảng 35 %.

Thành phố Hồ Chí Minh (mới. là trung tâm thương mại lớn nhất, cùng với tỉnh Đồng Nai (mới. .

Du lịch phát triển mạnh nhờ tài nguyên đa dạng, hạ tầng hiện đại, giao thông thuận lợi; Thành phố Hồ Chí Minh (mới. là trung tâm du lịch lớn nhất cả nước.

Giao thông vận tải phát triển nhất cả nước, có đủ các loại hình; Thành phố Hồ Chí Minh (mới. là đầu mối giao thông lớn nhất.

Tài chính – ngân hàng và dịch vụ hiện đại (CNTT – viễn thông, logistics. rất phát triển, tập trung chủ yếu ở Thành phố Hồ Chí Minh (mới. .

Chú thích: Logistics là khâu trung gian để đưa hàng hoá (sản phẩm hoặc dịch vụ. đến tay người tiêu dùng nhanh nhất. Nó sẽ bao gồm các hoạt động vận tải hàng hóa xuất và nhập,

quản lý đội tàu, kho bãi, nguyên vật liệu, thực hiện đơn hàng, quản trị tồn kho, hoạch định cung cầu. Ngoài ra Logistics cũng sẽ kiểm soát việc tìm kiếm nguồn nguyên liệu đầu vào, lập kế hoạch sản xuất, đóng gói sản phẩm, dịch vụ khách hàng.

2.4.3. Phát triển cây công nghiệp lâu năm.

a. Mục tiêu.

Trình bày được sự phát triển và phân bố cây công nghiệp lâu năm.

b. Tổ chức thực hiện.

- Bước 1: GV yêu cầu HS dựa vào hình 18.2 và thông tin mục c, hãy trình bày sự phát triển và phân bố cây công nghiệp lâu năm ở vùng Đông Nam Bộ.

GV gợi ý HS dựa vào bảng số liệu để nhận xét sự phát triển của cây cao su, cây điều. Tại sao Đông Nam Bộ là vùng trồng cây công nghiệp lâu năm lớn của cả nước?



- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.
- Bước 3: HS báo cáo kết quả.
- Bước 4: GV chuẩn hoá kiến thức.

- Đông Nam Bộ là vùng trồng cây công nghiệp lâu năm lớn của cả nước, trong đó, cây cao su và cây điều có diện tích lớn nhất.

- Cây cao su, cây điều phân bố chủ yếu ở Đồng Nai, TP Hồ Chí Minh và Tây Ninh.

2.5. Nội dung 5: Tìm hiểu kết nối liên vùng đối với sự phát triển vùng Đông Nam Bộ.

a. Mục tiêu

Phân tích được ý nghĩa của việc tăng cường kết nối liên vùng đối với sự phát triển của vùng.

b. Tổ chức thực hiện

- Bước 1: GV yêu cầu HS dựa vào thông tin mục 5, hãy phân tích ý nghĩa của việc tăng cường kết nối liên vùng đối với sự phát triển của vùng Đông Nam Bộ. GV diễn giảng để HS hiểu được ý nghĩa của kết nối liên vùng; vai trò của việc tăng cường kết nối liên vùng đối với

vùng Đông Nam Bộ.



- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.
- Bước 3: HS báo cáo kết quả.
- Bước 4: GV chuẩn hoá kiến thức.

Tăng cường kết nối liên vùng giúp Đông Nam Bộ:

- Mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hoá và cung ứng các dịch vụ thể mạnh cho các vùng trong cả nước, nhất là các vùng lân cận.
- Dễ tiếp cận hơn với những vùng có nhiều tài nguyên thiên nhiên như: Nam Trung Bộ và vùng sản xuất trọng điểm lương thực, thực phẩm Đồng bằng sông Cửu Long.
- Thu hút thêm lực lượng lao động để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế của vùng.

Lưu ý: Việc tăng cường kết nối liên vùng không chỉ giúp Đông Nam Bộ phát triển mà còn góp phần thúc đẩy các vùng khác cùng phát triển. Trong bối cảnh hiện nay, muốn phát triển kinh tế, cần có sự hợp tác giữa các vùng.

2.6. Nội dung 6: Tìm hiểu vị thế của Thành phố Hồ Chí Minh.

a. Mục tiêu

Phân tích được vị thế của Thành phố Hồ Chí Minh

b. Tổ chức thực hiện

- Bước 1: GV yêu cầu HS dựa vào thông tin trong mục 6, hãy phân tích vị thế của Thành phố Hồ Chí Minh. GV sử dụng hình ảnh, Video về Siêu đô thị mới, diễn giảng,... để HS thấy được vị thế của Thành phố Hồ Chí Minh.
- Bước 2: HS trao đổi theo cặp để trả lời câu hỏi.
- Bước 3: Đại diện một số cặp trả lời.
- Bước 4: GV chuẩn hoá kiến thức về vị thế của Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đây là đô thị đặc biệt, trung tâm lớn về kinh tế, tài chính, thương mại, văn hoá, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, giáo dục - đào tạo của cả nước.
- Quy mô kinh tế lớn nhất, thu nhập bình quân đầu người cao, thu hút nhiều dự án đầu tư.

- Là trung tâm công nghiệp, dịch vụ lớn hàng đầu cả nước.
- Thành phố Hồ Chí Minh thúc đẩy phát triển kinh tế đối với vùng Đông Nam Bộ, Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.
- Mục tiêu phấn đấu: phát triển ngang tầm các đô thị lớn trên thế giới, trở thành trung tâm kinh tế, tài chính, dịch vụ của châu Á.

3. Hoạt động 3: Hoạt động luyện tập.

a. Mục tiêu

Củng cố kiến thức, kỹ năng đã được học trong bài.

b. Tổ chức thực hiện

- Bước 1: GV yêu cầu HS làm bài tập thực hành như yêu cầu trong SGK.
- Bước 2: HS làm bài tập.
- Bước 3: GV gọi một số HS trả lời.
- Bước 4: GV chuẩn hoá kiến thức:
 - + Có thể vẽ biểu đồ lên bảng hoặc gợi ý cách vẽ. Lưu ý, thời gian khác nhau, nên khoảng cách các năm trên trục hoành cũng khác nhau.
 - + Nhận xét: Số dân và tỉ lệ dân thành thị ở Đông Nam Bộ lớn và ngày càng tăng (dẫn chứng qua các năm. .

4. Hoạt động 4: Hoạt động vận dụng.

a. Mục tiêu

Vận dụng kiến thức đã học để tìm hiểu thêm về Thành phố Hồ Chí Minh.

b. Tổ chức thực hiện

- Bước 1: GV giao nhiệm vụ về nhà: Sưu tầm tư liệu về Thành phố Hồ Chí Minh.
- Bước 2: HS sưu tầm thông tin, thực hiện nhiệm vụ ở nhà.
- Bước 3: HS chia sẻ sản phẩm hoặc báo cáo trước lớp ở thời điểm thích hợp.
- Bước 4: GV nhận xét, đánh giá.

IV. CÂU HỎI ÔN TẬP, KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ MỞ RỘNG.

Câu 1. Phía đông nam vùng Đông Nam Bộ là

- A. Bắc Trung Bộ.
- B. Nam Trung Bộ.
- C. một vùng biển rộng lớn.
- D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 2. Vùng Đông Nam Bộ có hai loại đất chủ yếu nào sau đây?

- A. Đất nhiễm phèn và đất nhiễm mặn.
- B. Đất badan và đất xám phù sa cổ.
- C. Đất lầy thụt và đất cát pha.
- D. Đất nhiễm mặn và đất phù sa sông.

Câu 3. Khoáng sản có giá trị nhất ở vùng Đông Nam Bộ là

- A. cao lanh. B. đá a-xít. C. bô-xít. D. dầu khí.

Câu 4. Hạn chế chủ yếu về điều kiện tự nhiên ở vùng Đông Nam Bộ không phải là

- A. sương muối, giá rét.
- B. thiếu nước vào mùa khô.
- C. hiện tượng triều cường.
- D. xâm nhập mặn.

Câu 5. Ngành công nghiệp có thế mạnh hàng đầu ở vùng Đông Nam Bộ là

- A. sản xuất điện.

- B. khai thác và chế biến dầu khí.
- C. chế biến thủy sản ướp đông.
- D. sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy.

Câu 6. Cây công nghiệp nào sau đây ở vùng Đông Nam Bộ chiếm diện tích lớn nhất cả nước?

- A. Cây cao su và cây điều.
- B. Cây cà phê và cây hồ tiêu.
- C. Cây dừa và cây mắc ca.
- D. Cây mía và cây thuốc lá.

Câu 7. Tăng cường kết nối liên vùng giúp Đông Nam Bộ

- A. thu hút được đầu tư từ các vùng.
- B. hạn chế di dân tới các vùng khác.
- C. ít phụ thuộc vào các vùng nguyên liệu.
- D. mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hoá.

Câu 8. Ý nào sau đây không phải là vị thế của Thành phố Hồ Chí Minh?

- A. Trung tâm kinh tế lớn nhất cả nước.
- B. Thu hút vốn đầu tư lớn nhất cả nước.
- C. Đầu não chính trị của cả nước.
- D. Trung tâm lớn về khoa học, giáo dục.

TỔ TRƯỞNG
(Kí và ghi rõ họ tên.)

Tịnh Khê, ngày 23 tháng 03 năm 2026

GIÁO VIÊN BỘ MÔN
(Kí và ghi rõ họ tên.)

Lê Thị Thuần

Phạm Hữu Hoanh